

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày 29-01-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, con chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1994. Nơi ĐKKH: Số 7/47 ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi đang cư trú: Số 86/5 ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị Thùy L: Luật sư Nguyễn Văn Tòng, sinh năm: 1990 – Văn phòng luật sư Bình Tân thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Kim B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 7/47 ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L và bị đơn ông Hồ Kim B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2020 cùng lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L như sau: Do mai mối bà và ông B tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột ông B. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều khác biệt trong lối sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; ông B ghen tuông xúc phạm bà L còn có hành vi hành hung con gái lớn. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, xung đột mâu thuẫn với nhau ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay hai bên cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Hiện tại bà L đang sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã Dương Xuân Hội, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cùng với con gái tên Hồ Phạm Kim Hương. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016. Từ tháng 01 năm 2020 bà L về nhà cha mẹ ruột sống cùng với 02 con, sau đó bà nội rước bé Hồ Phạm Kim Quý về chơi rồi không cho về lại bên nhà ông bà ngoại, bà L có nhiều lần đến rước bé về ngoại nhưng gia đình nội không cho chỉ cho gặp con. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Trước đây trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng nay bà L xác định bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Do hiện tại bà L đang làm giáo viên tại trường mẫu giáo xã Long Thuận, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng, ngoài ra bà L có bán hàng online thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên có đủ khả năng, điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung; cam kết không có nợ chung.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Kim B trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, ông B có nhậu xin đôi lúc ghen tuông với bà L nhưng chỉ nói chuyện bình thường không có xúc phạm như bà L trình bày. Vào tháng 03 năm 2020 ông B chở bà L và các con về ngoại chơi nhưng sau đó bà L ở nhà ngoại luôn không chịu về chứ vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, ông xác định còn tình cảm với bà L muốn hàn gắn với bà L để nuôi dạy các con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016. Hiện tại con gái tên Hồ Phạm Kim Quý đang sống với ông B, con gái tên Hồ Phạm Kim Hương đang sống với bà L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông B và bà L ly hôn thì ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Phạm Kim Quý, Hồ Phạm Kim Hương, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Việc bà L cung cấp các bảng lương là không chính xác vì hiện tại bà L không còn dạy học ở trường mẫu giáo Long Thuận. Hiện nay ông B đang làm nông nghiệp trồng thanh long, trồng lúa, tràm, có thu nhập nên có đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; cam kết không có nợ chung.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông B.

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung tên Hồ Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông B và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

Án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007200 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà L không phải nộp thêm án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn bà L kháng cáo một phần bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ

Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông B kháng cáo một phần bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016, không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà L trình bày: Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông B giao cháu Quý cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu dưới 36 tháng tuổi, cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Môi trường gia đình ông B thường xuyên mâu thuẫn nên ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu Quý. Riêng cháu Hương có cuộc sống ổn định với bà nên không đồng ý giao cháu Hương cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà là con một trong gia đình, ông bà ngoại còn sức khỏe, giúp bà trong việc hỗ trợ chăm sóc cháu, gia đình bà có đất canh tác và đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi 02 cháu phát triển tốt nhất. Ông B thường xuyên nói cháu Quý không phải con ruột của ông nhưng lại muốn tìm cách nuôi cháu điều này mâu thuẫn, mục đích của ông B giữ lại cháu Quý để muốn bà quay về.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B trình bày: Yêu cầu nuôi 02 con chung của bà L là có căn cứ chấp nhận, yêu cầu của ông B là không có cơ sở. Cụ thể như sau: Thu nhập thực tế của ông B 40.000.000 đồng/01 năm phải lo cho cha mẹ và ông B nên mức thu nhập dưới mức tối thiểu quy định. Ông B làm nông nên không có thời gian để chăm sóc con; bên cạnh đó về giới tính 02 cháu là nữ thì cha sẽ khó trong việc chăm sóc, giáo dục, ông bà nội đã hết tuổi lao động. Như vậy, điều kiện và hoàn cảnh của ông B không đảm bảo để chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung tốt. Qua kết quả xác minh cha ông B nghiện rượu, mất kiểm soát, ghen tuông làm cho gia đình luôn mâu thuẫn, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến việc giáo dục và phát triển của các cháu. Đối với yêu cầu của bà L đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung, bà L là giáo viên mầm non có kinh nghiệm trong việc giáo dục và chăm sóc các con, có công việc và thu nhập ổn định. Hoàn cảnh gia đình bà L là con một sống chung cha mẹ có điều kiện kinh tế hơn. Hiện nay cháu Hương đang sống cùng bà L và biết có 01 em gái, cháu thường xuyên nhắc em và muốn sống cùng để đảm bảo tình thương của chị em được tốt cần giao cháu Quý về chung nhà với cháu Hương cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Mặt khác, bà L trực tiếp nuôi con sẽ tạo điều kiện cho ông B thăm con nhưng nếu ông B trực tiếp nuôi con thì ông B và gia đình ông B không cho bà L thăm con và ảnh hưởng đến tình thương của con đối với mẹ vì ông B trình bày do bà L lý lịch không tốt nên không dạy và nhắc về mẹ đối với các con điều này là không phù hợp với cách giáo dục cho con về tình thương của cha mẹ. Việc ông B cho rằng bà L có lý lịch không tốt,

phá hạnh phúc gia đình người khác, điều này chỉ từ lý luận của ông B chứ không có căn cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông B. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, bác yêu cầu kháng cáo của ông B.

Bị đơn ông B trình bày: Ông yêu cầu được nuôi cháu Quý và yêu cầu bà L giao cháu Hương cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì bà L có lý lịch không tốt, có mối quan hệ không chung thủy nên không thể chăm sóc và giáo dục 02 con, ông thấy mình có điều kiện nuôi 02 con tốt, thu nhập kinh tế một năm 40.000.000 đồng (chia cho 03 thành viên trong gia đình, ông và cha mẹ của ông) từ việc canh tác hơn 02 mẫu đất nông nghiệp cho việc trồng thanh long, trồng lúa và trồng trà, đất này của cha mẹ ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình có 02 đứa em đã có công việc ổn định, cha mẹ đã hết tuổi lao động. Ông cung cấp đoạn ghi âm và ghi lại để chứng minh lý lịch bà L không tốt. Do vậy, không đồng ý giao con cho bà L nuôi.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà L kháng cáo yêu cầu ông B giao cháu Quý cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông B kháng cáo yêu cầu bà L giao cháu Hương cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cả hai đều có nhu cầu nuôi 02 con chung, đều có thu nhập ổn định, cháu Hương hiện đang sống với bà L, cháu Quý hiện đang sống với ông B, các cháu hiện nay đang sống trong điều kiện phát triển bình thường. Để đảm bảo điều kiện sống ổn định cho các cháu đề nghị bác kháng cáo của bà L, bác kháng cáo của ông B.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà L và bị đơn ông B hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo về một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà L thấy rằng: Cháu Hồ Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018, tính đến thời điểm hiện nay cháu chỉ 30 tháng tuổi, cần sự

quan tâm và chăm sóc của mẹ. Theo lời trình bày của các bên từ khi cháu sinh ra đến nay vẫn sống chung với mẹ, bà nội xin rước cháu về chơi thời gian sau này và giữ đến nay, việc trực tiếp chăm sóc cháu do bà nội chăm. Bà L là giáo viên mầm non, có công việc và thu nhập ổn định. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Như vậy trong trường hợp này, bà L không rơi vào trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc con và các bên không thỏa thuận khác. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con khi chưa đủ 36 tháng tuổi cần giao cháu Quý cho bà L là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bà L, buộc ông B giao cháu Quý cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét kháng cáo của ông B thấy rằng: Cháu Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016 từ khi sinh ra đến nay sống ổn định với bà L. Xét về điều kiện kinh tế cả hai đều có công việc và thu nhập nhưng bà L đảm bảo điều kiện kinh tế hơn để nuôi con. Bà L là con một sống chung với gia đình, gia đình có điều kiện kinh tế ổn định, ông bà còn sức lao động giúp đỡ trong việc chăm sóc cháu. Xét về điều kiện kinh tế gia đình của ông B từ việc canh tác đất của cha mẹ thu nhập một năm là 40.000.000 đồng nuôi sống cho 03 thành viên (ông B, cha, mẹ) là dưới mức sống tối thiểu quy định, cha mẹ hết tuổi lao động; ông B hiện nay sống cùng cha mẹ, cuộc sống gia đình thường xảy ra mâu thuẫn giữa cha và mẹ, ông B, có khi xảy ra xô xát và mâu thuẫn trầm trọng, với môi trường sống như vậy ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu. Mặt khác, cần đảm bảo tình yêu thương, xây dựng tình đoàn kết giữa chị em thì cần để cháu Hương và cháu Quý được sống chung 01 nhà.

[4.1] Tại phiên tòa ông B trình bày bà L có lý lịch không tốt nên không đủ điều kiện nuôi con, ông B cung cấp đoạn ghi âm và đoạn video. Qua xem xét nội dung không đủ căn cứ để cho rằng bà L có lý lịch không tốt như ông B trình bày, cũng như cho rằng bà L vi phạm chế độ luật hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 48 Nghị định 110/2013/CP, ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ. Như vậy, không thể khẳng định bà L không đủ tư cách để chăm sóc nuôi dạy 02 con và chính vì ông B tự nhận định bà L có lý lịch không tốt để hạn chế quyền thăm nom con và trong việc giáo dục con về người mẹ là không đúng. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện sống cho 02 con chung ổn định và môi trường giáo dục phát triển tốt thì cần để cháu Hương cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của ông B không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ nhận định mục [3], [4] chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L, sửa một phần bản án Hôn nhân sự sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bác toàn bộ yêu

cầu kháng cáo của ông B, một phần đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L đã nộp. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí sang án phí.

[7] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Kim B;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thùy L;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56; khoản 3 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy L đối với ông Hồ Kim B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thùy L được ly hôn với ông Hồ Kim B.

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Phạm Kim Hương, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2016 cho bà Phạm Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Buộc ông Hồ Kim B giao cháu Hồ Phạm Kim Quý, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2018 cho bà Phạm Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Hồ Kim B không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007200 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà Phạm Thị Thùy L không phải nộp thêm án phí.

Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thùy L không phải chịu. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thùy L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0007349, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Hồ Kim B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007363, ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (ông Hồ Kim B đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền